

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.302

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 26/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0183	Nguyễn Tuấn Anh	5/3/1999				
2	TA0184	Hà Văn Cường	1/3/1999				
3	TA0185	Nguyễn Đức Anh	11/27/1997				
4	TA0186	Trần Minh Thành	9/21/1997				
5	TA0187	Nguyễn Thu Huyền	4/26/1998				
6	TA0188	Hoàng Thị Thuỳ Dung	8/24/1996				
7	TA0189	Bùi Mạnh Dũng Dũng	5/20/1999				
8	TA0190	Trần Minh Anh Minh Anh	10/10/1997				
9	TA0191	Phạm Quốc Hưng	7/1/1997				
10	TA0192	Hoàng Văn Tiến	6/23/1998				
11	TA0193	Phan Thị Hoà	11/23/1998				
12	TA0194	Trịnh Ngô Hoàng Hải	11/4/1998				
13	TA0195	Phạm Ngọc Hiếu	5/16/1995				
14	TA0196	Phan Khánh Tùng	11/28/1997				
15	TA0197	Nguyễn Văn Luận	11/24/1998				
16	TA0198	Bùi Bình Minh	11/26/1998				
17	TA0199	Lý Trần Thiên	8/31/1998				
18	TA0200	Nguyễn Phương Thảo	9/27/1998				
19	TA0201	Nguyễn Vũ Khiêm	11/18/1998				
20	TA0202	Giáp Thị Vân	3/25/1998				
21	TA0203	Đào Xuân Hòa	4/12/1998				
22	TA0204	Đỗ Anh Tài	3/18/1997				
23	TA0205	Bùi Thảo Vân	1/9/1997				
24	TA0206	Lê Việt Anh	3/31/1999				
25	TA0207	Trần Minh Tâm	2/20/1997				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)